

THÊM MỘT SỐ Ý KIẾN LIÊN QUAN ĐẾN QUAN ĐIỂM CỦA HỒ CHÍ MINH VÀ ĐẢNG CỘNG SẢN ĐÔNG DƯƠNG VỀ CÁCH MẠNG VIỆT NAM TẠI HỘI NGHỊ TRUNG ƯƠNG THÁNG 5-1941

GS, TS MẠCH QUANG THẮNG

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Tóm tắt: Hội nghị Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương họp tháng 5-1941 tại bản Khuổi Nặm, làng Pác Bó, (xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng), do Nguyễn Ái Quốc chủ trì. Hội nghị có ý nghĩa to lớn trong tiến trình hoạch định đường lối cách mạng Việt Nam. Bài viết làm sáng rõ thêm những quan điểm của Nguyễn Ái Quốc và Trung ương Đảng về cách mạng Việt Nam từ những năm 30 thế kỷ XX; về chủ trương xây dựng chính thể Cộng hòa dân chủ Việt Nam mà không phải là Cộng hòa dân chủ Liên bang Đông Dương; khẳng định sự nhất quán của Nguyễn Ái Quốc về quan điểm quyền dân tộc tự quyết được thể hiện tại Hội nghị Trung ương Đảng tháng 5-1941.

Từ khóa: Nguyễn Ái Quốc; Hồ Chí Minh; Hội nghị Trung ương tháng 5-1941; cách mạng Việt Nam; quyền dân tộc tự quyết

1. Quan điểm của Nguyễn Ái Quốc và Trung ương Đảng về cách mạng Việt Nam từ những năm 30 thế kỷ XX

Để phân tích mối liên quan giữa quan điểm của Nguyễn Ái Quốc với quan điểm của Trung ương Đảng, cần đặt vào hai chặng:

Chặng thứ nhất là từ năm 1930 đến cuối năm 1939

Quan điểm của Nguyễn Ái Quốc về cách mạng ở Việt Nam có một số điểm khác so với quan điểm của Đại hội VI Quốc tế Cộng sản cuối năm 1928. Rõ nhất là những nội dung

trong các văn kiện tại Hội nghị thành lập Đảng đầu năm 1930, trong đó đặc biệt là quan điểm về tập hợp lực lượng cách mạng ở Việt Nam. Trong khi Đại hội VI của QTCS cho rằng, ở những nước thuộc địa và phụ thuộc, trong lãnh đạo cách mạng, đảng cộng sản phải coi giai cấp địa chủ, tư sản dân tộc, tiểu tư sản là những đối tượng không được phép tập hợp, thì Nguyễn Ái Quốc và những người tham gia Hội nghị thành lập Đảng lại cho rằng, ngoài công nông là gốc, cần tập hợp cả trung, tiểu địa chủ, tư sản dân tộc yêu nước, tiểu tư sản.

Là cấp dưới của QTCS, cho nên, những yếu nhân trong Trung ương Đảng chấp hành quan điểm của Đại hội VI QTCS. Do đó, quan điểm trên đây của Nguyễn Ái Quốc và những người tham gia Hội nghị thành lập Đảng không được Trung ương Đảng chấp nhận, điển hình là Hội nghị I của Đảng họp tại Hong Kong, tháng 10-1930, do Trần Phú chủ trì, đã thông qua “Án nghị quyết” về “thủ tiêu chính cương vắn tắt” của Hội nghị thành lập Đảng; cho rằng, Hội nghị thành lập Đảng sơ sài, không theo đúng sự chỉ đạo của QTCS.

Cả một quá trình không ngắn sau Hội nghị này, quan điểm của Nguyễn Ái Quốc và những người tham gia Hội nghị thành lập Đảng đều bị phê phán, cho rằng, Nguyễn Ái Quốc theo quốc gia chủ nghĩa, dân tộc chủ nghĩa, quốc gia cải lương, không coi trọng đấu tranh giai cấp mà nặng về chống đế quốc. Thậm chí, Ban Chỉ huy ở ngoài còn yêu cầu Nguyễn Ái Quốc viết một cuốn sách tự phê bình về vấn đề này (Nguyễn Ái Quốc không viết). Trong một thời gian dài (từ năm 1930 cho đến khi về nước năm 1941), với nhiều lý do, Nguyễn Ái Quốc không được QTCS tin dùng. Ngay cả Đại hội VII QTCS, tháng 7-1935 với bản Báo cáo nổi tiếng của G.Dimitrov về tập trung mũi nhọn chống chủ nghĩa phátxít, đòi tự do, dân chủ, hòa bình, thì tưởng rằng, những quan điểm của Nguyễn Ái Quốc được thừa nhận và bản thân Nguyễn Ái Quốc hết bị hiểu sai, nhưng không, Nguyễn Ái Quốc vẫn phải chịu sự không mặn mà từ phía QTCS. Tuy được Đảng cử làm 1 trong 4 đại biểu tham dự Đại hội VII QTCS, nhưng Ban Tổ chức của Đại hội này chỉ công nhận Nguyễn Ái Quốc là đại biểu tư vấn mà thôi.

Thực tế cho thấy rằng, với đặc điểm của một nước thuộc địa và phong kiến, không chỉ công nông, mà tất cả các giai tầng khác, dù ít hay nhiều, dù đậm hay nhạt, đều có mâu thuẫn dân tộc cho nên cần tập hợp tất cả những người có

thể tập hợp được để tập trung vào nhiệm vụ giải phóng dân tộc. Nguyễn Ái Quốc và những người tham gia Hội nghị thành lập Đảng thấy được điều đó, trong khi một số người chủ chốt của Đảng lại giáo điều. Nguyễn Ái Quốc là người phải “lội ngược dòng”, với bản lĩnh kiên cường, không chịu thay đổi quan điểm.

Chặng thứ hai từ cuối năm 1939 trở đi

Chiến tranh thế giới II làm thay đổi nhiều điểm. Đảng, vì nhạy bén, và vì đã qua nhiều thử thách, khảo nghiệm trong các phong trào cách mạng 1930-1931, 1932-1935, 1936-1939, và cả vì trí tuệ, bản lĩnh của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ, đã có sự chuyển hướng chiến lược đối với cách mạng Việt Nam. Mốc HNTƯ Đảng tháng 11-1939 họp tại Bà Điểm, Gia Định (nay là TP. Hồ Chí Minh) đã ghi dấu ấn sự sáng suốt của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ cùng Trung ương Đảng có tư duy mới khi tình hình trên thế giới và trong nước đã có sự thay đổi. Quan điểm của Hội nghị này đã tiến sát với quan điểm của Hồ Chí Minh trên nhiều mặt, trong đó nổi rõ nhất là ở hai điểm: 1) Nêu cao nhiệm vụ giải phóng dân tộc, tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất; 2) Lập Mặt trận cứu quốc trong đó đoàn kết các lực lượng yêu nước trong Đông Dương.

Vậy là có sự gặp nhau. Đã đến độ chín của các quan điểm và đã qua nhiều thử thách, khảo nghiệm các quan điểm, đồng thời còn do cả sự kích hoạt của hoàn cảnh biến đổi mau chóng của tình hình trong nước và trên thế giới khi Chiến tranh thế giới II đã bùng nổ vào đầu tháng 9-1939. Khi đó, thế giới bắt đầu có sự trỗi dậy của các lực lượng tiến bộ chống chủ nghĩa phátxít và đó cũng là bước đầu xuất hiện tình thế cách mạng giải phóng theo xu hướng vô sản. Nước Pháp, “chính quốc” của thuộc địa Việt Nam chứng kiến sự sụp đổ của chính phủ phát “tả” và sự lên ngôi của chính phủ thân phátxít. Vậy là, Đông Dương bắt đầu bước vào hoàn cảnh

trực tiếp của Chiến tranh thế giới II với nhiệm vụ giải phóng dân tộc nổi lên rõ hơn hết, và khi tình thế, thời cơ đến, Đảng lãnh đạo đấu tranh giành lấy chính quyền cách mạng.

Không có HNTU Đảng tháng 11-1939 với những quan điểm đúng đắn của nó thì khó mà có sự hòa đồng và tạo ra thuận lợi cho Hồ Chí Minh về nước sau 30 năm sống, hoạt động ở ngoài nước. “*Thuận lợi chưa từng có*”, bởi đây là một điểm cốt lõi cho việc tại sao Hồ Chí Minh lại ở ngoài nước lâu đến vậy. Hồ Chí Minh còn nhiều nhiệm vụ nữa của QTCS, đồng thời quan điểm cách mạng của Hồ Chí Minh cũng cần có chỗ, có lúc được thực thi thuận lợi chứ không thể mạo hiểm được. Cuối năm 1939 trở đi, khi quan điểm của HNTU Đảng tháng 11-1939 đã được xác định thì mới tạo ra chiều thuận cho Hồ Chí Minh về nước. HNTU Đảng tháng 5-1941 là bước kế thừa và phát triển/hoàn thiện quan điểm của HNTU Đảng tháng 11-1939.

2. Chủ trương lập chính thể Cộng hòa dân chủ Việt Nam, không phải là Cộng hòa dân chủ Liên bang Đông Dương - bước hoàn thiện và là sự nhất quán của Hồ Chí Minh về quan điểm quyền dân tộc tự quyết

Hồ Chí Minh chịu sự ảnh hưởng rất lớn từ quan điểm của V.I.Lênin về quyền dân tộc tự quyết; cụ thể là trên một số khía cạnh sau:

Vấn đề quyền dân tộc tự quyết của Hồ Chí Minh qua “Yêu sách của nhân dân An Nam” gửi Hội nghị Versailles năm 1919

Hội nghị Versailles năm 1919 là hội nghị của các nước đế quốc trong phe Đồng Minh thắng trận của Chiến tranh thế giới I (1914-1918) bàn nhiều việc, trong đó có việc xác nhận sự thất bại của Đức và các đồng minh của Đức; cùng nhau phân chia thị trường thế giới như là chiến lợi phẩm cho các nước đế quốc thắng trận, chủ yếu là chia cho

Mỹ, Pháp, Anh. Một trong những người chủ trì Hội nghị này là Tổng thống Mỹ V.Wilson (làm Tổng thống từ năm 1913 đến năm 1921). Tại Hội nghị, Tổng thống V.Wilson tiếp tục tuyên bố theo tinh thần “Chương trình 14 điểm” mà ông đã nêu từ năm 1918. Thực ra, tâm điểm của Chương trình này là nhằm thiết lập vai trò lãnh đạo của Mỹ đối với thế giới, đồng thời chống lại nước Nga Xô viết vừa mới ra đời. Tổng thống Mỹ đưa ra những lời rất mỹ miều về quyền dân tộc tự quyết, đã chạm trúng tâm lý khát vọng nồng cháy về những chủ đề đó trong những người yêu nước của các dân tộc thuộc địa trên thế giới, trong đó có những người Việt Nam yêu nước đang có mặt tại Pháp năm 1919, mà tiêu biểu là những nhân vật chủ chốt trong nhóm “Ngũ hổ”: Phan Châu Trinh, Phan Văn Trường, Nguyễn Thế Truyền, Nguyễn Tất Thành, Nguyễn An Ninh.

Quyền dân tộc tự quyết là quyền thiêng liêng của mỗi dân tộc-quốc gia, nó nằm trong cụm bốn nội dung làm thành một thể thống nhất là quyền dân tộc cơ bản: 1) Độc lập; 2) Chủ quyền; 3) Thống nhất; 4) Toàn vẹn lãnh thổ. Có thể nói rằng, tất cả các dân tộc-quốc gia trên thế giới, từ cổ chí kim, từ Đông sang Tây đều luôn muốn và giữ được quyền này. Bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* gửi Hội nghị Versailles, chỉ là những điều “khiêm tốn”¹ đặt trong bối cảnh như trong bản *Yêu sách* viết: “trong khi chờ cho nguyên tắc dân tộc sẽ từ lĩnh vực lý tưởng chuyển vào lĩnh vực hiện thực do chỗ quyền tự quyết thiêng liêng của các dân tộc được thừa nhận thật sự”². Đáng tiếc thay, và cũng không có gì là bất ngờ cả, chúng ta thấy tuyên bố về quyền dân tộc tự quyết của Tổng thống Mỹ tại Hội nghị Versailles năm 1919 không có một chút nào về giá trị thực tế. Về sau, trong bài *Cuộc kháng chiến*, tổ hợp những bài với tiêu đề chung là Đông Dương năm 1923-1924, Nguyễn

Ái Quốc cho rằng: “Chủ nghĩa Uynxon” chỉ là một trò bịp bợm lớn”³.

Hồ Chí Minh thực hành quan điểm về quyền dân tộc tự quyết của V.I.Lênin

Đặc biệt khi V.I.Lênin chủ trương thành lập Liên bang Cộng hòa XHCN Xô viết (Liên Xô), vì là kiên trì, nhất quán theo quan điểm của V.I.Lênin và vì được khảo nghiệm qua sự kiện liên quan đến bản *Yêu sách của nhân dân An Nam*, cho nên về sau Hồ Chí Minh đã thể hiện thành công ít nhất qua ba sự kiện lớn sau đây:

Một, đặt tên Đảng khi thành lập đầu năm 1930

Tại Hội nghị thành lập Đảng tại Hong Kong đầu năm 1930, Nguyễn Ái Quốc nêu ý kiến đặt tên Đảng là Đảng Cộng sản Việt Nam. Điều này không hẳn là ở chỗ tên đó không trùng lặp với tên các đảng hiện có lúc bấy giờ: Đông Dương Cộng sản Đảng; An Nam Cộng sản Đảng. Chủ trương của QTCS thể hiện trong “Thư gửi những người cộng sản ở Đông Dương” (ngày 27-10-1929) về việc phải thành lập một đảng cộng sản duy nhất, đề cập đảng đó là đảng của những người cộng sản ở Đông Dương chứ không chỉ là ở Việt Nam. Do vậy, quan điểm của Nguyễn Ái Quốc và những người tham gia Hội nghị thành lập Đảng đặt tên Đảng là Đảng Cộng sản Việt Nam là không đúng với ý kiến của QTCS. Đây là một trong những điều khiến Nguyễn Ái Quốc sau sự kiện thành lập Đảng không được QTCS tin tưởng như trước đây nữa. Nguyễn Ái Quốc trở thành một nhân vật bị QTCS hiểu sai một cách dai dẳng. Đến tháng 10-1930, tại HNTƯ Đảng họp ở Hồng Kông, do Trần Phú chủ trì, tên Đảng Cộng sản Việt Nam phải đặt lại là Đảng Cộng sản Đông Dương. Không gian cho quan điểm bảo đảm quyền dân tộc tự quyết theo kiểu V.I.Lênin tạo cho Nguyễn Ái Quốc có được nhiều dư địa để thực thi, nhưng tiếc rằng, QTCS, do quan điểm “tả” khuynh sai lầm của Đại hội VI năm 1928, đã làm hẹp lại. Mặc, Nguyễn Ái Quốc, lúc nhu, lúc cương,

vẫn cứ lằng lằng tuân thủ quan điểm đã được khởi thủy từ bản *Yêu sách* năm 1919.

Khi thực dân Pháp sang xâm lược Việt Nam thì Đông Dương (l'Indochina) là tên gọi tắt của Liên bang Đông Dương do thực dân Pháp thành lập. Với việc thành lập Liên bang Đông Dương, Việt Nam bị chia làm ba xứ: Nam Kỳ (theo chế độ thuộc địa); Trung Kỳ và Bắc Kỳ (theo chế độ bảo hộ, nửa bảo hộ). Mất nước, mất luôn tên. Còn tên “Việt Nam” đâu nữa mà đặt tên Đảng là “Đảng Cộng sản Việt Nam”? Cái lý của QTCS là như vậy. Nhưng, Nguyễn Ái Quốc thì khác: không chấp nhận cái tên gọi lãnh địa hải ngoại Liên bang Đông Dương của nền Cộng hòa Pháp-kết quả của cái vòi bạch tuộc thực dân vươn ra xâm lược, ăn cướp các nước nhược tiểu, trong đó có Việt Nam, với sự tuyên truyền “khai hóa văn minh” cho các nước đó. Mỗi một dân tộc - quốc gia từ lâu đời đã có quyền dân tộc tự quyết của mình. Hồ Chí Minh nhất quyết theo quan điểm đó, quan điểm về mặt văn bản mà nói thì có trong tinh thần của bản *Yêu sách* năm 1919.

Hai, lập Mặt trận Việt Minh từ năm 1941 - một chủ trương đúng đắn của Hội nghị Trung ương Đảng tháng 5-1941

Sau 30 năm ở nước ngoài, đầu năm 1941, Hồ Chí Minh vượt Cột mốc 108 ở biên giới Trung Quốc - Việt Nam về nước. Vì vẫn là một cán bộ trong biên chế Ban Phương Đông QTCS (đến năm 1943 QTCS mới tự giải tán), có uy tín lớn trong Đảng Cộng sản Đông Dương, là người đã có vai trò to lớn trong việc sáng lập Đảng, lại được Trung ương Đảng sau HNTƯ tháng 11-1940 cử một số người sang Trung Quốc đón về nước, cho nên khi về nước, Hồ Chí Minh đã chủ trì Hội nghị Trung ương Đảng tháng 5-1941. Hồ Chí Minh đã cùng Trung ương Đảng chủ trương lập Mặt trận Việt Nam Độc lập Đồng minh (gọi tắt là Việt Minh); giúp cho lực lượng yêu nước, cách mạng của Lào

và của Campuchia lập mặt trận riêng. Việt Nam là Việt Nam, riêng chứ không lẫn vào cái chung là Đông Dương - vốn cái tên Đông Dương do thực dân Pháp nêu ra, không gắn gì với quyền dân tộc - quốc gia tự quyết. Làm như thế cũng không có nghĩa là những người cộng sản ở Việt Nam bỏ rơi bạn bè, đồng chí; ngược lại vẫn là có sự liên minh đoàn kết chặt chẽ với cách mạng ở hai nước đó trong sự nghiệp đấu tranh cho độc lập, tự do, tiến bộ xã hội.

Ba, sau này đặt tên Đảng Lao động Việt Nam tại Đại hội II của Đảng, tháng 2-1951.

Tại Đại hội này, tổ chức cộng sản ra hoạt động công khai và riêng ở Việt Nam, theo ý kiến của Hồ Chí Minh, Đảng lấy tên là Đảng Lao động Việt Nam; giúp cho lực lượng cách mạng ở hai nước Lào, Campuchia lập đảng riêng. Khi lập mặt trận, Đảng Lao động Việt Nam luôn luôn thực hiện tình đoàn kết hợp tác với các Đảng cách mạng/nhân dân ở Lào và Campuchia. Đảng là một thực thể trong lòng dân tộc. Riêng ra, đó là thực hiện quyền dân tộc tự quyết và đó là quan điểm của Hồ Chí Minh đi suốt từ *Yêu sách của nhân dân An Nam*, năm 1919, thậm đượm trong HNTƯ Đảng tháng 5-1941.

Hồ Chí Minh luôn luôn tôn trọng quyền dân tộc tự quyết của các nước trên thế giới, trong đó có ba nước Đông Dương. Tại Hội nghị Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương, Việt Nam đã làm hết sức mình để bảo đảm lợi thế cho các lực lượng yêu nước, cách mạng của Lào và Campuchia (đại diện là lực lượng Pathét Lào và lực lượng Ítxarác Campuchia) trong lúc Việt Nam bị các nước lớn ép thỏa hiệp bất lợi trong nhiều điều khoản. Kết quả đạt được qua các văn kiện của Hội nghị Giơnevơ năm 1954 ấy chưa phản ánh đúng tình hình thực tế so sánh lực lượng giữa cách mạng Việt Nam, Lào, Campuchia với lực lượng của thực dân Pháp và can thiệp Mỹ. Nhưng, như thế không có nghĩa

là Việt Nam coi nhẹ, hoặc không quan tâm gì đến tình hình của hai nước đó như một số người cố tình xuyên tạc.

Trong lịch sử quan hệ giữa các Đảng và Nhà nước Việt Nam - Lào - Campuchia, Hồ Chí Minh đã giáo dục cho Đảng, cho cán bộ, đảng viên và nhân dân xây dựng, củng cố, phát huy tinh đoàn kết cùng phát triển, tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của mỗi dân tộc - quốc gia. Điều này cũng nằm chung trong việc thực thi đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Hồ Chí Minh đã tuyên bố chính sách đó ngay từ những năm đầu của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là: Việt Nam muốn làm bạn với tất cả các nước dân chủ, không gây thù oán với một ai; Việt Nam muốn bang giao với tinh thần “tứ hải giai huynh đệ”. Trong những năm đổi mới đất nước, nhất là sau khi mô hình XHCN ở Liên Xô và Đông Âu không còn, Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp nối thực hiện quan điểm về quyền dân tộc tự quyết trong đường lối đối ngoại: Việt Nam là bạn với tất cả các nước trên thế giới, là đối tác tin cậy và có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế; chủ động, tích cực hội nhập quốc tế trong thế giới toàn cầu hóa; Việt Nam sẵn sàng thiết lập quan hệ song phương, đa phương hóa, đa dạng hóa... Với tất cả các mối quan hệ rộng mở như thế, nguyên tắc nhất quán của Việt Nam theo tư tưởng Hồ Chí Minh vẫn phải tuân thủ nguyên tắc, như là điều cốt lõi trong ứng xử quốc tế: *thực sự tôn trọng và bảo đảm quyền dân tộc cơ bản của các nước*, cùng nhau phát triển, nghĩa là không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bảo đảm chủ quyền quốc gia, luôn luôn tôn trọng luật pháp và Công ước quốc tế theo Hiến chương của Liên hợp quốc, không dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực để giải quyết các tranh chấp.

Bốn, tại Hội nghị Trung ương Đảng tháng 5-1941, Hồ Chí Minh hoàn thiện quan điểm về

xây dựng một chính thể nhà nước mới sau khi cách mạng thành công.

Trong lịch sử cách mạng Việt Nam, lúc đầu chưa có mô hình chính thể nhà nước cộng hòa dân chủ như sau này ở HNTU Đảng tháng 11-1939 và nhất là ở HNTU Đảng tháng 5-1941.

Lúc đầu xuất hiện mô hình Xô viết. *Chính cương vắn tắt của Đảng* được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng, đầu năm 1930 nêu lên ba “phương diện” của cách mạng Việt Nam trong chiến lược “làm tư sản dân quyền c.m và thổ địa c.m để đi tới xã hội cộng sản”⁴, trong đó đáng chú ý là về phương diện chính trị có nội dung “Dựng ra Chính phủ công nông binh”⁵; còn về phương diện kinh tế thì “thâu hết sản nghiệp lớn (như công nghiệp, vận tải, ngân hàng, v.v) của tư bản đế quốc chủ nghĩa Pháp để giao cho Chính phủ công nông binh quản lý. Thâu hết ruộng đất của đế quốc chủ nghĩa làm của công chia cho dân cày nghèo”⁶.

Thể hiện rất sớm trong thực tế, về phương diện chính trị theo *Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng* là trong phong trào cách mạng 1930-1931 khi ở nhiều làng quê hai tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh lập ra chính quyền cách mạng, mà Nguyễn Ái Quốc là người đầu tiên đặt tên “Làng đỏ” hoặc là Xô viết. Nhưng, đó chỉ là riêng về mô hình chính quyền cách mạng. Trên thực tế, mô hình chính quyền này đã được khảo nghiệm và tỏ ra không phù hợp với một xã hội thuộc địa và phong kiến, khi ở xã hội này, tất cả các giai tầng ở Việt Nam, trừ đại địa chủ và trừ tư sản mại bản, thì đều có một “mẫu số chung” là mâu thuẫn dân tộc, đều có yêu cầu đấu tranh giành độc lập dân tộc, cho nên không chỉ có công nông, mà còn có cả những người Việt Nam yêu nước trong các giai tầng khác như trung tiểu địa chủ, tư sản dân tộc, tiểu tư sản, đều có thể tham gia cách mạng. Và cũng do đó, một chính quyền công nông binh như mô hình Xô viết ở Việt Nam là không phù hợp⁷. Dần

dần, qua chuyển biến của tình hình cách mạng, đến HNTU Đảng tháng 11-1939, nhận thức về chính quyền cách mạng được thay bằng hình thức Cộng hòa dân chủ Liên bang Đông Dương. Đến tháng 5-1941, HNTU Đảng, tiến thêm một bước nữa, chủ trương khi cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân thành công, sẽ lập nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Chính thể Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được tuyên bố một cách chính thức khi Cách mạng Tháng Tám thành công, Nhà nước ra đời từ ngày 2-9-1945. Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra mắt quốc dân đồng bào tại Vườn hoa Ba Đình (sau này gọi là Quảng trường Ba Đình) trên Lễ đài của cuộc mít tinh và Chính phủ (Liên hiệp) không phải là lâm thời nữa mà là chính phủ hợp pháp, được thành lập do Quốc hội khóa I bầu ra, tại Nhà hát Lớn, Hà Nội, trong cuộc họp ngày 2-3-1946.

Một chế độ chính trị mới, Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nay là Cộng hòa XHCN Việt Nam, là kết quả của tư duy đặc sắc, đúng đắn, phù hợp với bối cảnh Việt Nam, đi từ những ngày đầu cách mạng, qua HNTU Đảng tháng 11-1939 đến HNTU Đảng tháng 5-1941.

HNTU Đảng tháng 5-1941, do đó, xứng đáng được coi là bước hoàn thiện cho sự chuyển hướng chỉ đạo cách mạng nói chung và bước tiến hoàn chỉnh cho việc lựa chọn chính thể nhà nước Cộng hòa Dân chủ cho nước Việt Nam mới.

1, 2, 3. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, T.1, tr. 469, 469, 441

4, 5, 6. *Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2001, T. 2, tr. 2, 2, 3

7. Xứ ủy Trung Kỳ trong cao trào cách mạng 1930-1931, đi theo quan điểm tả khuynh, hẹp hòi, biệt phái của Đại hội VI QTCS, cho nên trong Chi thị về thanh Đảng, còn nêu khẩu hiệu sai lầm: “Trí, phú, địa, hào đảo tận gốc, tróc tận rễ”.